

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thế Sự

2. Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996, đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố V, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng, hiện nay cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1993, cư trú: Số 11, tổ dân phố V, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 02-6-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 10-6-2014. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau với nguyên nhân chủ yếu do thiếu trách nhiệm của anh T lao động, chăm lo cuộc sống chung. Anh T sử dụng ma túy đá nhiều lần. Mặc dù, chị ý kiến và gia đình của hai vợ chồng khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả thay đổi. Từ ngày 26-4-2017 cho đến nay, anh chị sống ly thân và không liên lạc, quan tâm,

thăm hỏi nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 10-12-2014. Hiện nay, chị làm nhân viên của nhà hàng với thu nhập 5.500.000 đồng/tháng. Chị yêu cầu được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và không yêu cầu Toà án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị và anh T tự thoả thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-9-2017, bị đơn là anh Hoàng Xuân T trình bày thống nhất với nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, về quá trình ly thân, về con chung và không đề nghị chia tài sản.

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhiều lần do chị P tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh không tìm chị P về lần nào vì chị P tự bỏ nhà đi thì phải tự quay về chung sống. Khoảng gần 1 năm trở lại đây, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn. Tuy được khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn trầm trọng giữa anh chị không có thay đổi. Từ ngày 26-4-2017, chị P tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân, không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Anh đề nghị được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương A và không đề nghị Toà án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị P và anh tự thoả thuận.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng (trừ anh Hoàng Xuân T) đã chấp hành đúng thời hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị P được ly hôn anh T; giao cháu Phương A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung nên không xem xét giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện

Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hai lần tại phiên toà. Trên cơ sở thu thập chứng cứ đầy đủ, toàn diện vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị P là hợp pháp.

[3] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ được Tòa án xác minh, thu thập khách quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ ý kiến của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em, Chi hội phụ nữ và của người làm chứng, phù hợp với trình bày của đương sự. Do vậy, đủ cơ sở khẳng định:

[3] Bị đơn thừa nhận các ý kiến trình bày của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân không được cải thiện, thời gian ly thân và ý kiến tự nguyện được ly hôn với chị P. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định: Quan hệ giữa vợ và chồng của chị P, anh T trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn tình nghĩa vợ chồng, ý kiến của các đương sự đều thống nhất tự nguyện xin ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P về việc xin ly hôn anh T, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ liên quan về chỗ ở, công việc, thời gian làm việc, thu nhập và nguyện vọng của đương sự phù hợp với ý kiến của đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em, Chi hội phụ nữ. Đồng thời, xem xét toàn diện về thực tế sinh hoạt, chỗ ở của cháu Phương A hiện đang sống cùng với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến thỏa thuận của đương sự. Chị P và anh T phải có trách nhiệm ngang nhau, cùng nhau đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu Phương A nhưng cần giao chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với cháu Phương A là phù hợp lợi ích của cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P, anh T không yêu cầu, đương sự đề nghị tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Hoàng Xuân T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0009503 ngày 14-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn nên chị P nộp đầy đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh